

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH CÀ MAU** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2022/HS-PT

Ngày 23 - 5 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Xuân Miến

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Trọng Quê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Trúc Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Ngô Lâm L, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Bị cáo bị kháng cáo:** Ngô Lâm L, sinh năm 1979 tại Cà Mau; giới tính: Nam; nơi cư trú: huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; con ông Ngô Văn X, sinh năm 1952 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; anh, chị em ruột: 08 người; vợ Lê Kiều Q, sinh năm 1983; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/3/2021 cho đến ngày 06/12/2021; có mặt.

**- Bị hại:**

+ Chị Đặng Trúc L, sinh năm 1988; có mặt.

+ Anh Dương Hoài H (Tên gọi khác: T), sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đặng Trúc L:** Ông Nguyễn Hữu Nghiệp là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trần Tuấn N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Không triệu tập.

+ Anh Nguyễn Tấn K (Tên gọi khác: Nguyễn Tuấn K), sinh năm 2003; Nơi cư trú: Ấp Kiến Vàng B, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian từ khoảng tháng 8/2017 đến ngày 09/8/2019, Ngô Lâm L có giao dịch bán cua cho vựa cua của Tân Tiến (của vợ chồng chị Đặng Trúc L) ở Khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn. Sau khi cân cua thì chị L ghi vào sổ (ghi toa, trang sổ), căn cứ trên “toa” ghi trong sổ để thanh toán tiền cho L. Việc ghi “toa” thường là Linh trực tiếp ghi nhưng có khi cũng nhờ người làm công và các lái cua ghi dùm trong đó có L. Đối với “toa” của L thì trong sổ ghi tên “T” hoặc “T”. Việc thanh toán tiền do L hoặc Dương Hoài H (chồng của L) tính và trả cho người bán cua ngay sau khi cân cua hoặc ngày hôm sau thanh toán; việc thanh toán cho L thì thường để ngày hôm sau thanh toán; Căn cứ vào “toa” ghi trong sổ của bị hại để tính tiền. Sổ ghi ký hiệu: cua gạch là “E hoặc G, g”; cua thịt từ 200g đến dưới 300g/con là “Y hoặc Y1”; cua thịt từ 300g đến dưới 500g/con là “Y3”; cua thịt 200g/con là “Y2; Y4”; cua thịt từ 500g đến dưới 700g/con là “Y5”; và cua xô, cua vạt là “X hoặc XT”.

Vào ngày 25/7/2019, xem sổ ghi “toa” thì chị L phát hiện “toa” của L có sự chênh lệch, tăng số Kí lô gam (kg) cua của L bán cho L nên kiểm tra 03 sổ ghi chép, theo dõi thu mua cua thì phát hiện ở nhiều “toa” của L bị chỉnh sửa số lượng nên nghi ngờ L gian dối chiếm đoạt tiền. Vợ chồng chị L tiếp tục theo dõi qua camera đến ngày 09/8/2019 thì phát hiện L có hành vi chỉnh sửa trong sổ ghi “toa” nên chị L đến trình báo Công an thị trấn Năm Căn.

Quá trình điều tra xác định: 03 cuốn sổ ghi chép việc mua bán cua giữa L và Li có dấu hiệu bị sửa, thêm số của nhiều “toa”, trong đó:

- 26 “toa” L tự ý ghi, sửa thêm số trong sổ mua bán cua, có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt số tiền **78.619.700 đồng (78.619.700đ)**.

- 03 “toa” ở các trang 944, 946, 949 chị Linh chưa thanh toán tiền cho bị cáo nên không quy kết bị cáo chiếm đoạt và không truy cứu trách nhiệm hình sự tại 03 toa này.

- Số “toa” mua bán cua giữa L và chị Li còn lại, kết quả điều tra chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định Ngô Lâm L chiếm đoạt tiền của chị Li nên cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Li xác định trong 26 “toa” nêu trên thì có 03 “toa” ở các trang 578, 676, 885 Lược có bán cua cho chị Li, không có ghi khống nên

không chiếm đoạt số tiền 4.483.000đ ở các “toa” này và được Tòa án cấp sơ thẩm giảm trừ số tiền chiếm đoạt của bị cáo L còn 74.136.700đ.

*Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, quyết định:*

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Lâm L 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tính đến ngày tuyên án thì bị cáo L đã chấp hành xong hình phạt tù nên tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo L.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Lâm L có nghĩa vụ bồi thường tổng số tiền chiếm đoạt cho chị Đặng Trúc Li và anh Dương Hoài H là 74.136.700đ; đối trừ số tiền bị cáo đã nộp 20.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn và 58.086.000đ số tiền bị cáo bán của theo 04 “toa” (944, 946, 949, 951) chị Li chưa thanh toán nên bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, bị hại Đặng Trúc Li có đơn kháng cáo cho rằng: Bị cáo L có thừa nhận hành vi chỉnh sửa và ký xác nhận trên 106 “toa”, chiếm đoạt 1.473,9 kg của các loại tương ứng 344.902.000đ nên yêu cầu xử lý bị cáo về trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và buộc bồi thường cho bị hại số tiền thiệt hại 344.902.000đ;

Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận các “toa” mà L thay đổi lời khai không thừa nhận là “không đủ cơ sở kết luận có phải do L viết ra hay không”. Như vậy, không có nghĩa là L không có chỉnh sửa, nhưng Cơ quan điều tra không yêu cầu Cơ quan giám định giải thích “không đủ cơ sở” vì lý do gì để có hướng điều tra được đầy đủ và toàn diện. Trường hợp có đủ căn cứ kết luận không phải do L chỉnh sửa, ghi thêm là có đồng phạm.

Tại phiên tòa bị hại Đặng Trúc Li giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

#### ***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

*Bị cáo:* Bị cáo chỉ tự ý chỉnh sửa ở các “toa” mà Tòa án Năm Căn đã xét xử, còn các “toa” khác bị cáo không có chỉnh sửa như bị hại kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày:* Cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo 106 “toa” tương đương số tiền 344.902.000đ là bỏ lọt tội phạm. Vì lời khai nhận của bị cáo ban đầu phù hợp với

các chứng cứ khác đó là, những “toa” không truy cứu thì Cơ quan giám định kết luận là có chỉnh sửa, thêm số; các chữ số chỉnh sửa đều làm tăng số lượng và chỉ chỉnh sửa, thêm số ở hàng chục và hàng đơn vị. Ngoài ra, hình ảnh của 05 “toa” được bị hại ghi lại ngay sau khi bị hại ghi “toa” là không chỉnh sửa nhưng sau đó các “toa” này bị chỉnh sửa. Hình ảnh camera ghi lại thấy bị cáo cầm bút, vở sổ ra để thực hiện hành vi chỉnh sửa nhưng kết luận giám định cho rằng “không đủ cơ sở để kết luận” do bị cáo sửa chữa, thêm số nhưng không giải thích vì lý do gì là chưa đảm bảo chính xác.

*Bị hại:* Thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Thời gian từ khoảng tháng 8/2017 đến ngày 09/8/2019, bị cáo Ngô Lâm L có giao dịch bán cua cho chị Đặng Trúc Li (vợ của Tân Tiến) ở Khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn. Sau khi cân cua thì Li ghi vào sổ (ghi toa, trang sổ), căn cứ trên “toa” ghi để thanh toán tiền cho L. Việc ghi “toa” thường là Li trực tiếp ghi, có khi nhờ người làm công và các lái cua ghi dùm trong đó có L ghi nhưng không thường xuyên. Lợi dụng sự tin tưởng của chị Li và anh H, L đã sửa sổ, ghi thêm số tại một số “toa” trong sổ bán cua giữa L và chị Li nhằm làm tăng số lượng cua của L bán để bị cáo chiếm đoạt tiền.

Ngày 08/9/2019, chị Li trình báo Công an thị trấn Năm Căn; quá trình xác minh bị cáo L thừa nhận có hành vi sửa chữa, ghi thêm số của 104 “toa”, số lượng 1.473,9 kg cua các loại tương ứng 344.902.000đ và chiếm đoạt số tiền này; Tuy nhiên, đến ngày 17/9/2019 thì L thay đổi lời khai và chỉ thừa nhận số tiền chiếm đoạt là 78.619.700đ, tương ứng 26 “toa”.

Thấy rằng, giai đoạn Cơ quan điều tra xác minh tin báo tội phạm (từ ngày 9/8/2019 đến ngày 13/8/2019) thì Ngô Lâm L thừa nhận có sửa chữa, thêm số của 104 “toa” số lượng 1.473,9 kg cua các loại tương ứng 344.902.000đ và chiếm đoạt số tiền này nhưng sau đó (từ ngày 17/9/2019 trở đi) L lại phủ nhận toàn bộ và cho rằng việc sửa, chữa thêm số có sự đồng ý của bị hại. Đến khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và quá trình điều tra sau này thì L thừa nhận có hành vi gian dối chỉ ở 29 “toa” nên cấp sơ thẩm chỉ xem xét trách nhiệm hình sự trong phạm vi các “toa” có dấu hiệu chiếm đoạt tiền để buộc tội bị cáo, còn lại các “toa” khác không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở. Bởi, tại lời khai của bị hại thừa nhận trong sổ ghi “toa” không phải chỉ có duy nhất bị hại ghi mà có lúc nhờ bị cáo L, nhờ anh Trần Tuấn N, nhờ anh Nguyễn Tuấn K ghi; Việc ghi “toa” có sai số phải sửa chữa, thêm số vẫn có xảy ra. Đồng thời, tại sổ ghi “toa” của bị hại việc sửa chữa, thêm chữ số không chỉ có ở “toa” của bị cáo mà còn ở các “toa” của các người bán cua khác. Việc thanh toán tiền trả cho bị cáo là bị hại căn cứ vào sổ ghi “toa” của bị hại để thanh toán. Do đó, những toa L không thừa nhận bị cáo tự ý sửa chữa, ghi thêm số để chiếm đoạt tiền thì không có chứng cứ nào khác ngoài lời

thừa nhận ban đầu của bị cáo. Đối với các “toa” bị cáo thừa nhận, ngoài lời thừa nhận của bị cáo còn có kết quả giám định của Cơ quan giám định kết luận chữ số ghi thêm, sửa chữa do bị cáo thực hiện. Khoản 2 Điều 98 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L đối với các “toa” Cơ quan giám định kết luận “không đủ cơ sở kết luận có phải do L viết ra hay không” và bị cáo không thừa nhận là phù hợp theo nguyên tắc suy đoán vô tội quy định tại các điều 13, 98 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Luật sư cho rằng, hình ảnh camera thấy bị cáo có hành vi lén lút, cầm bút, mở sổ để thực hiện việc sửa chữa, thêm số, xét thấy: Hình ảnh này không đủ cơ sở để xác định những “toa” không bị truy cứu trách nhiệm hình sự chính là bị cáo sửa chữa. Bởi, hình ảnh không thấy được bị cáo sửa chữa ở “toa” nào và sửa chữa, thêm số ở những vị trí nào của “toa”. Đồng thời, hình ảnh các “toa” bị hại cung cấp cho rằng bị hại ghi lại ngay sau khi ghi “toa” nhưng sau đó “toa” này bị sửa chữa, chữa thêm số thì vấn đề này cũng không thể kết luận bị cáo là người sửa chữa. Vì bị hại là người quản lý “toa” bị sửa chữa, thêm số chứ không phải bị cáo; đồng thời, Cơ quan giám định kết luận không đủ cơ sở kết luận bị cáo là người sửa chữa, thêm số. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Như vậy, trong 29 “toa” thì 03 “toa” (578, 676, 885) tại phiên tòa sơ thẩm bị hại xác định bị cáo không có hành vi gian dối, không chiếm đoạt tiền mà bị cáo có bán thật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giảm trừ không xem xét trách nhiệm hình sự cũng như dân sự trong vụ án của 03 “toa” này với số tiền 4.483.000đ là có căn cứ (BL: 574, 576, 578).

Đối với 26 “toa” còn lại, trong đó có 03 “toa” (944, 946 và 949) số tiền 5.984.000đ người bị hại chưa xem xét, tính toán cụ thể để thanh toán với bị cáo nên cấp sơ không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo ở khoản tiền này là phù hợp; còn lại 23 “toa” bị hại đã tính toán và thanh toán tiền cho bị cáo bằng số tiền 74.136.700đ. Án sơ thẩm truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo với số tiền 74.136.700đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu phải truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo ở số tiền 344.902.000đ của tất cả các “toa” là không được chấp nhận.

[2]. Đối với việc bị hại kháng cáo cho rằng phải yêu cầu Cơ quan giám định giải thích “không đủ cơ sở” vì lý do gì. Thấy rằng, kết luận giám định của Cơ quan giám định đã kết luận rõ ràng về nội dung giám định là: Đối tượng được giám định, đã được giám định và xác định là “không đủ cơ sở kết luận”; Do đó, kết luận trên không phải trường hợp cần phải giải thích kết luận giám định được quy định tại khoản 3 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị hại.

[3]. Đối với việc bị hại kháng cáo cho rằng có đồng phạm; thấy rằng, các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ có căn cứ chứng minh bị

cáo thực hiện tội phạm chỉ một mình bị cáo, không có cơ sở để xác định có đồng phạm cùng với bị cáo. Do đó, kháng cáo này của bị hại không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Trách nhiệm hình sự: Bị cáo L dùng thủ đoạn gian dối sửa số nhằm đưa ra thông tin giả, làm cho bị hại tin đó là thật để bị cáo chiếm đoạt số tiền 74.136.700đ và thiệt hại thực tế xảy ra. Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân và điều kiện phạm tội đối với bị cáo để quyết định hình phạt bị cáo mức án 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Ngô Lâm L phải hoàn trả cho bị hại Đặng Trúc Li và Dương Hoài H 74.136.700đ; Song, bị hại nợ bị cáo 58.086.000đ (944, 946, 949) nên đã được đối trừ còn lại 16.050.700đ (làm tròn số 16.051.000đ) bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại. Ngày 29/11/2021 bị cáo L nộp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện Năm Căn (Biên lai số 0003154) để hoàn trả cho bị hại. Do đó, số tiền 20.000.000đ này Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn thi hành giao 16.051.000đ cho bị hại Đặng Trúc Li và Dương Hoài H, số tiền còn lại 3.949.000đ giao trả lại cho bị cáo Ngô Lâm L.

Do phần quyết định về dân sự của án sơ thẩm tuyên có chỗ chưa rõ, có khả năng khó thi hành nên cấp phúc thẩm chỉnh sửa lại cho rõ.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị hại Đặng Trúc Li; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử phạt:* Bị cáo Ngô Lâm L 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Về dân sự: Bị cáo Ngô Lâm L đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn (biên lai số 0003154, ngày 29/11/2021), Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn thi hành giao 16.051.000 đồng cho bị hại Đặng

Trúc Li và Dương Hoài H, số tiền còn lại 3.949.000 đồng giao trả lại cho bị cáo Ngô Lâm L.

Án phí dân sự phúc thẩm bị hại Đặng Trúc Li phải chịu 300.000 đồng.

**3.** Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Công an huyện Năm Căn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn;;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT( TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Xuân Miến**